TÒA ÁN NHÂN DÂN **K – LÀO CAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2025/HNGĐ-ST-VB
Ngày: 12 - 8 - 2025
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN K - LÀO CAI

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Sầm Thị Tươi.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Duy Bình và ông Hồ Trọng Trung.
***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Tráng Kháy Phìn - Thư ký Toà án nhân dân K – Lào Cai.

Ngày 12 tháng 8 năm 2025, tại phòng xử án Toà án nhân dân K - Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 103/2025/TLST-HNGĐ-VB ngày 28 tháng 5 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2025/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lương Văn C, sinh năm 1989
Địa chỉ: Thôn L, xã V, tỉnh Lào Cai. Có mặt.
2. Bị đơn: Chị Lự Thị S, sinh năm 1991
Địa chỉ: Thôn L, xã V, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 5 năm 2025; bản tự khai ngày 28 tháng 5 năm 2025; quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, nguyên đơn anh Lương Văn C trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Lương Văn C và chị Lự Thị S tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng từ đầu năm 2009, không đăng ký kết hôn. Ngày 14/9/2009, anh chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, tỉnh Lào Cai. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến cuối năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp tính nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và làm ăn kinh tế, vợ chồng anh không tìm được tiếng nói chung trong phát triển kinh tế gia đình nên thường xuyên cãi chửi nhau, công việc vợ chồng không san sẻ cùng nhau nên tình cảm dần mất đi; lâu ngày, vợ chồng anh không còn tình cảm với nhau, bỏ mặc nhau trong cuộc sống hàng ngày. Trong thời gian vợ chồng anh xảy ra mâu thuẫn, hai bên gia đình có khuyên giải nhưng đều không thành. Thực tế từ năm 2021, anh chị đã sống ly thân đến nay, không quan tâm gì đến nhau nữa. Nay anh C nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, không còn cách nào hàn gắn tình cảm vợ chồng, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, không còn khả năng khắc phục

được nên anh yêu cầu Tòa án nhân dân K – Lào Cai giải quyết cho anh được ly hôn với chị Lự Thị S để sớm bảo đảm hạnh phúc cho anh.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống, anh Lương Văn C và chị Lự Thị S có hai người con chung là cháu Lương Thu Q, sinh ngày 18/11/2009 và cháu Lương Gia H, sinh ngày 18/10/2011. Từ khi vợ chồng anh sống ly thân đến nay, anh C là người trực tiếp nuôi dưỡng các cháu, các cháu phát triển bình thường, nay do cả hai cháu đều có nguyện vọng được ở với anh C. Vì vậy, khi ly hôn anh C yêu cầu Tòa án giải quyết để cho anh được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cả hai cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Về điều kiện nuôi con khi ly hôn: Anh C là lao động tự do, công việc chính là trồng trọt, chăn nuôi và đi làm thuê, thu nhập được 7.000.000 đồng/tháng. Tại địa phương, mức nuôi dưỡng các con chung của anh chị là 1.000.000 đồng/tháng/cháu. Vì vậy anh C đủ điều kiện nuôi con khi ly hôn.

- Về tài sản chung: Quá trình chung sống, vợ chồng anh không có tài sản chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ chung: Trong thời gian chung sống, vợ chồng anh không vay nợ ai và không cho ai vay nợ gì nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện, nguyên đơn đã giao nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ và hợp pháp.

2. Ý kiến của bị đơn chị Lự Thị S: Tại bản tự khai 29 tháng 5 năm 2025; quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Lự Thị S trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lự Thị S và anh Lương Văn C tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng từ đầu năm 2009, không đăng ký kết hôn. Ngày 14/9/2009 vợ chồng chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Lào Cai (Nay là Ủy ban nhân dân xã V, tỉnh Lào Cai). Anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị S phải đi làm ăn xa nhà, vì vậy anh C nghi ngờ chị có người đàn ông khác ở ngoài. Đến năm 2017 mỗi lần đi làm về, chị đều đưa tiền mặt cho bố mẹ chồng chị để xây nhà thì anh C cũng thắc mắc tại sao đi làm về không đưa tiền cho anh C mà lại đưa tiền cho ông bà. Mâu thuẫn vợ chồng chị trầm trọng vào năm 2023, chị đi làm ăn xa nhà và ít khi về thăm gia đình hơn so với thời gian trước. Mâu thuẫn vợ chồng chị đã được hai bên gia khuyên giải nhưng không thành, vợ chồng sống ly thân từ tháng 9/2024 cho đến nay. Nay chị xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, không có khả năng khắc phục được nhưng do chị và anh C chưa thống nhất được với nhau về việc chia tài sản chung nên chị chưa đồng ý ly hôn với anh C.

- Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng chị có hai người con chung là cháu Lương Thu Q, sinh ngày 18/11/2009 và cháu Lương Gia H, sinh ngày 18/10/2011. Các cháu phát bình thường và đang ở với anh C. Nếu phải ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Lương Thu Q cho đến khi cháu đủ 18 tuổi nhưng vì cháu Q đã ở ổn định tại bên nhà chồng chị từ khi sinh ra đến nay, nay chị đón cháu về ở cùng chị thì cháu cũng không đồng ý, vì vậy chị vẫn để cháu ở lại nhà với ông bà nội và anh

C, hàng tháng chị S sẽ gửi tiền về để cho cháu Q sinh sống và học tập do cháu đã lớn, đã tự lo được cho bản thân của cháu; để anh Lương Văn C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Lương Gia H cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Về điều kiện nuôi con khi ly hôn: Chị S và anh C đều là lao động tự do, chị S thu nhập một tháng được 10.000.000 đồng/tháng; anh C thu nhập được khoảng 7.000.000 đồng/tháng. Tại địa phương, mức nuôi dưỡng các con chung của anh chị là 1.000.000 đồng/tháng/cháu. Vì vậy anh chị đều đủ điều kiện nuôi con khi ly hôn.

- Về tài sản chung: Sau khi kết hôn với nhau, vợ chồng chị ở với bố mẹ chồng. Sau đó, chị đi làm thuê và gửi tiền về cho bố chồng xây 01 ngôi nhà 02 tầng và 01 tum; nhà được xây dựng trên đất của bố mẹ chồng chị. Hiện nay, chồng và các con chị đang ở cùng với bố mẹ chồng tại ngôi nhà này, nhà trị giá: 900.000.000 đồng; địa chỉ nhà: Thôn L, xã V, tỉnh Lào Cai. Nay chị mong muốn, nguyện vọng anh C chia cho chị số tiền mặt là 450.000.000 đồng còn nhà để lại cho anh C nhưng anh C không đồng ý. Đến nay chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, khi nào chị thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ về tài sản chung thì chị sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung sau.

- Về công nợ chung: Trong thời gian chung sống, vợ chồng chị không vay nợ ai và không cho ai vay nợ gì nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Ý kiến của con chưa thành niên: Cháu Lương Thu Q và cháu Lương Gia H đều có nguyện vọng được ở với bố khi bố mẹ ly hôn.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải về quan hệ hôn nhân, nuôi dưỡng con chung theo quy định của pháp luật nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau về các vấn đề hòa giải.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá, nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Lương Văn C yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" với chị Lự Thị S có địa chỉ: Thôn L, xã V, tỉnh Lào Cai. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân K – Lào Cai. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân K – Lào Cai. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh Lương Văn C và chị Lự Thị S là hợp pháp, anh chị tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng từ đầu năm 2009, không đăng ký kết hôn. Ngày 14/9/2009, anh chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, tỉnh Lào Cai. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến cuối năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp tính nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và làm ăn kinh tế nên thường xuyên cãi chửi nhau. Thực tế từ năm 2021, anh chị đã sống ly thân đến nay, không quan tâm gì đến nhau nữa. Mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã được gia đình khuyên bảo, hòa giải nhưng không thành. Mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã được anh C trình bày và chính quyền địa phương xác nhận, chị S cũng xác nhận tình cảm vợ chồng không còn mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, không có khả năng khắc phục được nhưng do chị và anh C chưa thống nhất được với nhau về việc chia tài sản chung nên chị chưa đồng ý ly hôn với anh C. Như vậy, tình trạng hôn nhân của vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy anh C yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị S là có căn cứ nên Hội đồng xét xử cần căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho anh Lương Văn C được ly hôn với chị Lự Thị S.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, anh Lương Văn C và chị Lự Thị S có hai người con chung là cháu Lương Thu Q, sinh ngày 18/11/2009 và cháu Lương Gia H, sinh ngày 18/10/2011. Các cháu phát bình thường và đang ở với anh C. Anh C có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung; chị S có nguyện vọng để chị trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q nhưng vẫn để cháu ở lại nhà với ông bà nội và anh C, chị S sẽ gửi tiền về để cho cháu Q sinh sống và học tập do cháu đã lớn, đã tự lo được cho bản thân của cháu và để anh C trực tiếp nuôi dưỡng cháu H. Anh chị đều không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con chung. Cả hai cháu đều có nguyện vọng ở cùng với bố khi bố mẹ ly hôn.

Nhận thấy anh Lương Văn C và chị Lự Thị S đều đủ điều kiện nuôi con khi ly hôn. Tuy nhiên, chị S khẳng định chị không thể trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q vì cháu Q không đồng ý về ở với chị. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu Lương Thu Q, sinh ngày 18/11/2009 và cháu Lương Gia H, sinh ngày 18/10/2011 cho anh Lương Văn C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và công nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm: Anh Lương Văn C phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình; Khoản 4 Điều 147; điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Lương Văn C và chị Lự Thị S. Quan hệ hôn nhân của anh Lương Văn C và chị Lự Thị S chấm dứt kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao con chung cháu Lương Thu Q, sinh ngày 18/11/2009 và cháu Lương Gia H, sinh ngày 18/10/2011 cho anh Lương Văn C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị Lự Thị S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Anh Lương Văn C phải chịu: 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004286 ngày 03/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai (Nay là phòng Thi hành án dân sự K – Lào Cai). Anh Lương Văn C đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

5. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND K – Lào Cai (2);
- Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai;
- UBND xã Võ Lao, tỉnh Lào Cai;
- Lưu: HS, THS (3).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Sầm Thị Tươi

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện Văn Bàn (2);
- CCTHADS huyện Văn Bàn;
- UBND xã Nàn Sán
và UBND xã Quan Hồ Thẩn,
huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai;
- Lưu: HS, THS (3).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Sầm Thị Tươi